

BÀI THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐẠI THẢO DƯƠNG TYP 2 CỦA CÁC VỊ THUỐC, TỔNG QUAN VỀ TÁC DỤNG ĐIỀU TRỊ

Nguyễn Văn Ngọc Kim
Khoa Y học cổ truyền – Đại học Y Hà Nội

Tóm tắt

Trong Y học cổ truyền, bệnh đại thảo dương thuộc phạm vi chứng tiêu khát. Kinh nghiệm Y học cổ truyền đã dùng nhiều thảo dược để điều trị bệnh tiểu đường. Bài thuốc Y học cổ truyền được nghiên cứu cho thấy các vị thuốc như Thổ phục linh, cây Mướp đắng, cây Cỏ ngọt, cây Ché đắng, là dân và nhiều bài thuốc Y học cổ truyền như “Tri Bá địa hoàng hoàn”, “Tiên đường đông độ”, “Vân bao phim Galacton”, có tác dụng hạ đường huyết trên động vật thực nghiệm và bệnh nhân đại thảo dương type 2.

Từ khóa: Đại thảo dương type 2, y học cổ truyền

Summary

HERBAL FORMULATIONS IN THE TREATMENT OF TYPE 2 DIABETES AREVIEW ON THE EFFECTS OF HERBAL MEDICINE AND TRADITIONAL MEDICINE

Nguyễn Văn Ngọc Kim
Hanoi Medical University

According to the traditional medicine, diabetes was defined by the syndrome “xiao ke”. Traditional medicine has used many herbal medicine and formulas to treat diabetes, especially for diabetes type 2. The domestic and foreign researches show that the herbal medicine such as Smilax glabra Roxb, Momordica charantia L, Stevia rebaudiana, Evodia lepta Merr, Folium Mori and many traditional medical formulas such as “Tri ba dia hoang hoan”, “Tien duong Dong do”, “film-coated tablets Galacton”, have hypoglycemic effects in experimental animals and patients suffering from type 2 diabetes.

Key words: diabetes, herbal medicine, traditional medicine

tiêu duyệt”, của dân và Tiên Át đời Tống, thành phần gồm có: Thổ phục linh 20 – 32g, Sơn thù nhục 10 – 16g, Sơn dược 10 – 16g, Trạch tả 8 – 12g, Phục linh 8 – 12g, Đan bì 8 – 12g. Công dụng: Tư bổ can thận.

- Một số nhà nghiên cứu Trung Quốc kết hợp Liệt vị địa hoàng để điều trị chứng tiểu đường bị đại thảo dương trên mô hình thực nghiệm bằng Alloxan testhydrate cho thấy các chỉ số đường huyết, TC, TG, LDL-C giảm rõ rệt ($p > 0,05$); thay đổi HDL-C không rõ rệt. Ngoài ra, Liệt vị địa hoàng hoàn giảm đường huyết

1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TRUNG QUỐC VỀ TÁC DỤNG CÁC BÀI THUỐC YHCT TRONG ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐẠI THẢO DƯƠNG TYP 2 (CHỨNG TIỂU KHÁT)

1.1. Liệt vị địa hoàng hoàn

Đây là bài thuốc tiêu biểu được sử dụng cho chứng tiểu khát thể thận âm hư, thận âm hư, tiểu tiện ngắn, khát nước, tâm cơ nhiep. Bản phương là tư âm dưỡng thận, thích ứng thận âm hư hao.

Bài thuốc xuất hiện trong “Tiên nhi được chứng

- Ngày nhận bài: 27/2/2012 * Ngày đăng ý kiến: 18/3/2012 * Ngày xuất bản: 30/3/2012
- Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Văn Ngọc Kim; Email: nguyenvanngoclam@yahoo.com

sau bữa ăn, không gây tình trạng thiếu glucose, giảm hấp thụ đường đơn. Lý Phúc Bình (2011) tiến hành nghiên cứu điều trị bằng Lục vị địa hoàng hoàn với 75 ca cho thấy: (1) Điều trị lâm sàng: có 33% có hiệu quả rõ rệt, 53% có tác dụng, 13% không có tác dụng. Tổng hiệu suất 87%. Nhóm đối chiếu có 20% hiệu quả rõ rệt, 30% hiệu quả, 50% không có tác dụng. (2) Sau điều trị các chỉ số UAER, FBS, PBS, HbA1c giảm rõ rệt, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

- Một nghiên cứu dùng Lục vị địa hoàng hoàn điều trị 20 bệnh nhân (BN) ĐTĐ, trong đó 18 BN có biểu hiện lâm sàng rõ, 2 BN lâm sàng chưa rõ. Kết quả cho thấy khối 12, đỡ 8 (thời gian uống thuốc ngắn nhất 90 ngày, dài nhất là 180 ngày) (Vân Nam y dược 3, 1983).

- Sử dụng Lục vị địa hoàng hoàn điều trị cho 53 BN đái tháo đường typ 2 cho thấy: khối 46, đỡ 5, không khối 2 (Hồ Bắc Trung y tạp chí 3, 1987).

1.2. Bổ dương hoàn ngũ thang

Bài thuốc do danh y đời Thanh Vương Thanh Nhậm viết trong “Y lâm cải thác”. Thành phần bao gồm: Sinh hoàng kỳ, Quy vĩ, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long. Theo lý luận YHCT, bài thuốc có tác dụng bổ khí, hoạt huyết, thông kinh mạch. Hoàng Đông Huy, Lý Lợi, Phùng Sâm Kiên (2006) thông qua nghiên cứu phát hiện bài thuốc có tác dụng cải thiện đường huyết, giảm mỡ máu và tình trạng kháng insulin. Thân Hiểu Quang (2009) nghiên cứu cho thấy bài thuốc có tác dụng cải thiện tình trạng bệnh nhân đái tháo đường, tăng cường khả năng đề kháng, giảm độ nhớt máu. Trong nghiên cứu lâm sàng, sử dụng liều lượng khác nhau điều trị đái tháo đường typ 2 đều cho thấy có tác dụng giảm đường huyết, điều hòa mỡ máu khá rõ rệt ($p < 0,05$; $p < 0,01$).

1.3. Bạch hổ thang

Bạch hổ thang (Thương hàn luận) thành phần gồm có Sinh thạch cao 40g, Tri mẫu 8 – 12g, Gạo tẻ 20 – 30g, Cam thảo 4g, gia Nhân sâm 12g.

Thạch cao tính ngọt, hàn, có tác dụng tả hỏa là chủ dược; Tri mẫu đắng, hàn để thanh nhiệt ở phế vị; Tri mẫu và Thạch cao cùng dùng sẽ tăng cường tác dụng trừ phiền; Cam thảo và Gạo tẻ ích vị, bảo vệ tân dịch. 4 vị dùng chung có tác dụng thanh nhiệt, trừ phiền, sinh tân chỉ khát.

Một số nghiên cứu hiện đại Trung Quốc cho thấy:

- Dùng Bạch hổ thang gia giảm điều trị 67 BN đái tháo đường typ 2 đều có kết quả tốt (Liêu Ninh, Trung y tạp chí 9/1983).

- Bạch hổ thang gia Hoàng kỳ, Sa sâm, Thiên hoa phấn, Sinh địa điều trị trên BN có lượng đường huyết lúc đói 8,9mmol/l, đường niệu (++++), sau khi uống 24 tháng các triệu chứng đều hết, đường niệu âm tính, đường huyết còn 6,1 mmol/l (Tân trung y, 12/1983).

1.4. Giao thái hoàn

Giao thái hoàn bắt nguồn từ “Cần thị y thông” của danh y Cần Thích đời Minh. Thành phần bao gồm Hoàng liên 4g, Nhục quế 2g tán bột chia thành 2 lần uống trước khi đi ngủ 3 giờ. Thuốc có tác dụng giao thông tâm thận, là phương thuốc điều trị chứng tâm thận bất giao. Hoàng liên, Nhục quế cùng dùng dựa theo ý của y văn cổ “nâng giao tâm thận vu đồn khắc” (nghĩa là làm giao thông tâm thận ngay tức khắc). Nghiên cứu cho thấy Hoàng liên, Quế nhục đều có tác dụng giảm đường huyết. Lục Hùng, Viên Lâm... (Trung Quốc) thông qua điều trị đối với BN đái tháo đường typ 2 cho thấy thuốc có tác dụng khá tốt trong việc giảm đường huyết, thông qua việc tăng tính mẫn cảm insulin để làm giảm đường huyết.

1.5. Thận khí hoàn

Thành phần gồm bài Lục vị gia Quế nhục và Phụ tử chế. Xuất phát từ Kim quỹ yếu lược.

Công dụng: Bổ thận, trợ dương, “ích hòa chi nguyên, dĩ tiêu âm ế” (Vương Bỉnh). Chủ trị: Thận khí bất túc.

- Dùng bài này gia Thiên hoa phấn, Thiên môn, Mạch môn, Sinh hoàng kỳ trị BN đái tháo đường đã 8 năm phải tiêm insulin, ngừng tiêm thì đường huyết tăng kèm theo ăn nhiều, uống nhiều, đái nhiều, cơ thể gầy yếu. Kết quả sau khi uống 24 tháng, bệnh ổn định, theo dõi sau 14 tháng bệnh không tái phát. Glucose máu từ 16,1mmol/ml xuống 6,8 mmol/ml, đường niệu (++++), xuống (-) (Nội khoa học, NXB Thượng Hải nhân dân).

1.6. Thuốc giảm đường Kim Kỳ

Thành phần chủ yếu là Hoa kim ngân, Hoàng kỳ, Hoàng liên có tác dụng thanh nhiệt, ích khí, giảm khát.

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm trên mô hình

động vật cho thấy, thuốc giảm đường Kim Kỳ có tác dụng giảm đường huyết rõ rệt so với động vật bình thường, tác dụng rõ rệt với bệnh béo phì kèm theo đái tháo đường, cải thiện lượng đường, giảm đường huyết, hiệu quả cao. Thuốc giảm đường Kim Kỳ ngoài tác dụng giảm đường huyết còn có tác dụng giảm lactate trong máu. Qua nghiên cứu lâm sàng với thuốc giảm đường Kim Kỳ của Lý Lợi Phần và Ngô Ngọc Hồng (2006) cho thấy: so sánh quan sát hai nhóm (chỉ số mẫn cảm insulin, máu mỡ, HbA1c) sai khác trước điều trị không có ý nghĩa thống kê, sai khác sau điều trị có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$ hoặc $p < 0,05$).

So sánh với nhóm đối chiếu: chỉ số HbA1c, LDL, TC, TG, JPG đều giảm mạnh ($p < 0,01$), HDL tăng cao rõ rệt ($p < 0,01$). Cơ chế tác dụng có thể ức chế phân giải đường ở gan, làm giảm tuần hoàn đường gan, cải thiện tính mẫn cảm insulin, tăng hấp thụ glucose, từ đó giảm mỡ máu, cải thiện tình trạng khô miệng lưỡi.

1.7. Viên uống Khát Lạc Ninh

Thành phần chính Hoàng kỳ, Hoàng tinh, bột Thiên hoa phấn, Địa hoàng, Sâm thái tử. Có tác dụng ích khí, sinh tân, phù hợp cho khí âm lưỡng hư (đái tháo đường týp 2), biểu hiện hay khát nước, ngũ tâm phiền nhiệt, đồ mồ hôi nhiều. Nay có nghiên cứu chứng minh viên uống Khát Lạc Ninh có tác dụng giảm đường huyết. Một số nhà nghiên cứu quan sát kết quả thay đổi chỉ số đường trong chuột bạch gây mô hình đái tháo đường týp 2 chuột bạch thông thường, cho thấy chỉ số đường huyết đều giảm, thể chất cải thiện.

1.8. Ninh Tâm Âm

Thành phần bài thuốc bao gồm: Nhân sâm, Hoàng kỳ, Hoàng tinh, Hoài sơn, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng liên, Mao căn, Đan sâm, Xuyên khung, Xương bồ... có tác dụng kiện tỳ ích thận, bổ khí hoạt huyết.

Theo kết quả nghiên cứu của Phùng Kiến Hoa (1993) dùng bài thuốc Ninh Tâm Âm điều trị cho 58 BN có bệnh lý động mạch vành kết hợp với đái tháo đường týp 2, điều trị 2 liệu trình (mỗi liệu trình điều trị là 30 ngày), hiệu quả điều trị chung đạt được 89,45%, với bệnh lý động mạch vành có hiệu quả đạt 74,14% so với trước điều trị, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Ngoài ra các chỉ tiêu khác như đường huyết, mỡ máu, thay đổi tốc độ dòng máu, điện tâm đồ đều có những thay đổi rõ

rệt, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05 - 0,01$).

1.9. Tiêu Khát An

Thành phần: Tây dương sâm, Mạch môn, Hoàng kỳ, Cát căn, Đan sâm, Thủy điệt, Đan hương, Xuyên khung, Sa nhân.

Theo kết quả nghiên cứu của La Tĩnh Trung (2001) dùng bài thuốc này điều trị cho 150 BN có bệnh lý tim mạch kết hợp đái tháo đường týp 2 trong thời gian 3 tuần, kết quả nghiên cứu được so sánh với 76 BN nhóm chứng. Kết quả thấy viên nang Tiêu khát an có tác dụng rõ rệt đối với BN có bệnh lý động mạch vành kết hợp đái tháo đường týp 2 là cải thiện được tình trạng kháng insulin và tình trạng thiếu máu cơ tim, giảm độ nhớt của máu...

1.10. Viên Chỉ tiêu thông mạch ninh

Thành phần: Nhân sâm, Sinh địa, Sa sâm, Nga truật, Sinh đại hoàng, Tam thất...

Lã Nhân Hòa (Bắc Kinh, Trung Quốc – 2001), đã sử dụng viên Chỉ tiêu thông mạch ninh điều trị ĐTĐ týp 2 kèm theo protein niệu và giảm chức năng co bóp của cơ tim. Nhóm nghiên cứu gồm 34 BN, nhóm chứng gồm 12 BN, hai nhóm điều trị cơ bản giống nhau, nhóm nghiên cứu được dùng thêm viên Chỉ tiêu thông mạch ninh. Kết quả ở nhóm nghiên cứu: Các triệu chứng lâm sàng được cải thiện rõ rệt, đường huyết trước và sau ăn 2h giảm rõ rệt, các chức năng của tim được cải thiện, so với nhóm chứng đều có ý nghĩa thống kê.

2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC VỀ CÁC VỊ THUỐC VÀ BÀI THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TÝP 2 (CHỨNG TIÊU KHÁT)

2.1. Những công trình nghiên cứu tác dụng của các vị thuốc YHCT

2.1.1. Thỏ phục linh

Thỏ phục linh có vị ngọt, tính bình, vào hai kinh can, vị; nó có tác dụng lợi thấp, giải độc. Chữa đau khớp xương, bổ gân cốt. Ở Ấn Độ nước sắc rễ tươi của Thỏ phục linh dùng điều trị bệnh hoa liễu, vết loét. Một số loài trong chi Smilax L đã được nhiều nước (Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Mỹ) sử dụng làm thuốc bồi bổ cơ thể, điều trị các bệnh giang mai, vẩy nến, viêm khớp và điều trị bệnh đái tháo đường.

Năm 2004 Nguyễn Ngọc Xuân nghiên cứu

tác dụng hạ đường huyết của cao khô dịch chiết cồn bột khô Thổ phục linh (SG1) đã cho kết luận:

- Trên chuột nhắt bình thường, SG1 liều 100, 200 mg/kg tĩnh mạch bụng tác dụng hạ đường huyết xuất hiện ở giờ thứ 2, mạnh nhất ở giờ thứ 4 và kéo dài trên 4 giờ. Tác dụng hạ đường huyết phụ thuộc liều lượng của SG1 (liều càng cao thì tác dụng càng mạnh).

- Tác dụng hạ đường huyết của SG1 dùng đường uống xuất hiện chậm hơn và yếu hơn so với đường tiêm.

- Cơ chế tác dụng hạ đường huyết của SG1: Không kích thích tế bào beta tuyến tụy bài tiết insulin mà có thể tăng nhạy cảm của mô đích với insulin; ức chế tăng glucose huyết của adrenalin, ức chế chuyển glycogen thành glucose và hoặc ức chế tân tạo glucose mới.

2.1.2. Cây Mướp đắng

- Diệp Thanh Bình và CS (1981) đã sử dụng phần dây leo trên mặt đất của cây mướp đắng để bào chế 1 dạng thuốc và nghiên cứu áp dụng trên BN ĐTĐ. Kết quả với liều 15 – 20g/ngày thuốc có tác dụng hạ đường máu tương đối chậm, có khả năng ổn định đường máu trong giới hạn bình thường ở 100% bệnh nhân nội trú và 70% bệnh nhân ngoại trú.

- Bùi Chí Hiếu, Nguyễn Phi Kim Loan (1985) đã nghiên cứu viên Khổ qua chế từ quả Mướp đắng với liều 250mg x 10 viên uống hàng ngày để điều trị BN ĐTĐ typ 2. Kết quả sau 5 tuần điều trị đường máu giảm ở 54% số bệnh nhân, còn ở nhóm đối chứng 15 bệnh nhân dùng Diabinese đường máu giảm 86% số bệnh nhân.

- Thái Hồng Quang và CS (1994) dùng Mướp đắng được bào chế dưới dạng bột và viên nang để nghiên cứu trên 30 trường hợp ĐTĐ typ 2 đã kết luận: Mướp đắng chế dạng bột hoặc viên nang có tác dụng giảm đường máu và đường niệu trên lâm sàng, thuốc không gây tác dụng phụ.

- Đỗ Minh Thìn (1995) dùng chế phẩm từ quả mướp đắng với Sinh địa để điều trị cho 50 bệnh nhân ĐTĐ typ 2 thấy 32% đạt kết quả tốt, 58% đạt kết quả trung bình, 10% kết quả kém, hiệu quả điều trị tương đương Maninil.

- Nguyễn Kim Lưu và CS (2004) đã nghiên cứu điều trị cho 30 bệnh nhân ĐTĐ typ 2 bằng chè tan Gamosa (chế từ Mướp đắng, Cỏ ngọt và Bạch truật);

kết quả sau 3 tuần đạt nồng độ Glucose máu ở mức tốt 75%, chấp nhận được 21,9%, kém 3,1%. Tác dụng hạ Glucose máu tương đương với Maninil.

2.1.3. Cây cỏ ngọt

- Trần Thúy và CS (1998) đã nghiên cứu 2 chế phẩm từ cỏ ngọt là viên DBT hàm lượng 0,5 x 20 viên/ngày và chè BDT 100g x 3 gói/ngày cho bệnh nhân ĐTĐ typ 2 uống trong 1 tháng thấy thuốc có tác dụng làm giảm đường máu và đường niệu. Tỷ lệ khỏi và đỡ nhiều đạt 80%, tỷ lệ đỡ ít và không đỡ 20%.

2.1.4. Cây chè đắng

Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Nhược Kim (2004) nghiên cứu tác dụng của viên Lexka được bào chế từ cây chè đắng trên 38 bệnh nhân ĐTĐ typ 2 đã cho kết quả: Sau 1 tháng điều trị Glucose máu giảm từ $9,04 \pm 0,93$ mmol/l xuống $6,79 \pm 0,93$ mmol/l. Sau điều trị 3 tháng thì HbA1c từ $10,15 \pm 0,96\%$ xuống $6,62 \pm 0,92\%$ ($p < 0,001$).

2.1.5. Lá dâu

Nguyễn Quang Trung (2008) nghiên cứu tác dụng của bột chiết lá dâu trên chuột nhắt trắng gây ĐTĐ typ 2 cho thấy: Bột chiết lá dâu có tác dụng hạ glucose, lipid máu sau 30 ngày điều trị, tác dụng được duy trì ở ngày điều trị thứ 60.

2.2. Những công trình nghiên cứu tác dụng của các bài thuốc YHCT

2.2.1. Tri bá địa hoàng hoàn (Bát vị tri bá)

Xuất phát (Y tông kim giám) là bài Lục vị địa hoàng hoàn thêm Hoàng bá, Tri mẫu.

Tác dụng: Tư âm, tả hỏa. trị âm hư hỏa vượng, sốt âm ỉ trong xương.

Năm 2004, Bùi Tiến Hưng và Dương Trọng Hiếu đã dùng Bát vị tri bá gia giảm dạng cốm tan “HTĐĐ” điều trị bệnh nhân ĐTĐ typ 2 cho thấy: Giảm đường huyết từ từ và kiểm soát HbA1c với mức độ tối ưu và tốt là 73,33%. Cải thiện triệu chứng lâm sàng như ăn nhiều, uống nhiều, đái nhiều.

2.2.2. Tiểu đường Đông Đô

Thành phần: Sinh địa, Mạch môn, Hoàng kỳ, Hoàng liên, Thiên hoa phấn, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Bạch linh, Nhân sâm, Thạch cao.

Xuất xứ từ bài thuốc Tiêu khát linh (bài thuốc linh nghiệm điều trị chứng tiêu khát).

Tác dụng điều trị: Dưỡng thận âm, sinh tân, trừ khát, bổ khí.

Năm 2005 tác giả Dương Đăng Hiền, Nguyễn Nhược Kim, Đặng Kim Thanh đánh giá tác dụng

của “Tiểu đường Đông Đô” trong điều trị ĐTD typ 2 chưa có biến chứng cho thấy:

- Sau 1 tháng điều trị thuốc có tác dụng cải thiện các triệu chứng lâm sàng, đặc biệt các triệu chứng ăn nhiều, uống nhiều, đái nhiều, vã mồ hôi, đại tiện táo có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$); thuốc có tác dụng làm giảm Glucose huyết lúc đói ($1,5 + 0,15$) mmol/l và Glucose huyết lúc no giảm ($3,14 + 0,01$) mmol/l với $p < 0,01$.

- Sau điều trị 3 tháng HbA1c giảm ($0,38 + 0,03$)% với $p < 0,01$.

Tổng hợp kết quả điều trị theo YHHĐ: Loại tốt và khá đạt 70,9%, trung bình đạt 23,6%, kém 5,5%. Kết quả theo YHCT cho thấy tỷ lệ tốt + khá ở 3 thể đều cao đó là thượng tiêu 80%, trung tiêu 75%, hạ tiêu 61%.

2.2.3. Viên bao phim Galucron

Thành phần: Thiên hoa phấn, Huyền sâm, Ngũ vị tử, Nấm linh chi, rễ cây Dây gỏi, Kim ngân hoa, Trạch tả, Mạch môn.

Xuất xứ: Trên cơ sở “biện chứng luận trị” và “đối pháp lập phương” mà Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hà Tây (Bệnh viện YHCT Hà Đông) xây dựng bài thuốc này trên cơ sở: Thanh nhuận

phế nhiệt, dưỡng âm thanh vị, tư bổ thận âm, sinh tân chỉ khát.

Năm 2008 Tiêu Ngọc Chiến đánh giá tác dụng của Galucron điều trị ĐTD typ 2 đã cho thấy: Thuốc có tác dụng làm giảm đường huyết từ từ và giúp kiểm soát HbA1c với mức kiểm soát tối ưu và tốt là 85,72% ở bệnh nhân ĐTD typ 2 mức độ nhẹ và trung bình. Thuốc có tác dụng cải thiện tốt các triệu chứng lâm sàng, đặc biệt là các triệu chứng ăn nhiều, uống nhiều, đái nhiều, vã mồ hôi, đại tiện táo ở bệnh nhân nghiên cứu và có xu hướng giảm tốt hơn so với nhóm chứng.

3. KẾT LUẬN

Tìm hiểu những nghiên cứu điều trị ĐTD typ 2 bằng thuốc YHCT chúng tôi đưa ra một số nhận xét:

3.1. Các phương pháp biện chứng luận trị điều trị chứng tiêu khát theo YHCT đều có tác dụng hạ đường huyết trên bệnh nhân ĐTD typ 2 cũng như trên động vật gây thực nghiệm ĐTD typ 2.

3.2. Các vị thuốc, bài thuốc YHCT được sử dụng có tần suất cao trong điều trị chứng tiêu khát đều có tác dụng hạ đường huyết trên thực nghiệm và trên bệnh nhân ĐTD typ 2./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Quang Kiệt (2003). Tùng thư kinh nghiệm lâm sàng các danh y – Quyển chuyên bệnh Đái tháo đường. Nhà xuất bản Bắc Kinh – Trung Quốc.
2. Xia W., Du L. (2011). Diabetes is an inflammatory disease: evidence from traditional Chinese medicines. *Diabetes Obes Metab*, Apr 13(4), 289 – 301.
3. Dương Đăng Hiền, Nguyễn Nhược Kim, Đặng Kim Thanh (2005). Nghiên cứu bài thuốc Tiểu đường Đông Đô. *Tạp chí YHDT*, 57 – 67.
4. Tiêu Ngọc Chiến (2013). Nghiên cứu tính an toàn, tác dụng hạ đường huyết trên thực nghiệm và lâm sàng đái tháo đường typ 2 bằng cao lỏng Thập vị giảng đường phương. Luận án Tiến sĩ y học, trường Đại học Y Hà Nội.
5. Quan Thế Dân (2014). Nghiên cứu tác dụng của bài thuốc Bổ dương hoàn ngũ trong điều trị Đái tháo đường typ 2 có biến chứng thận trong thực nghiệm và trên lâm sàng. Luận án Tiến sĩ y học, trường Đại học Y Hà Nội.
6. Nguyễn Nhược Kim (2014). Chứng Tiêu khát và những nghiên cứu trên lâm sàng. *Tạp chí Đông y* số 484, 27 – 32.